

Số: 2313 /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 15 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Tư pháp tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 79/TTr-STP ngày 05 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

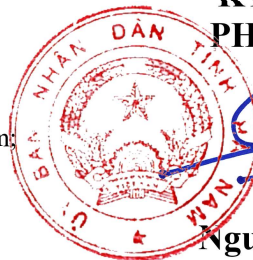
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Tư pháp tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ^{7/4}

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (để b/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; VNPT tỉnh Hà Nam;
- VPUB: LĐVP, HCCKSTT, VXNV(D);
- Lưu: VT, HCCKSTT(Q).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chúc
Nguyễn Anh Chúc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI VÀ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TƯ PHÁP TỈNH HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2313 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Thủ tục hành chính ban hành mới						
1	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	02 ngày (Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc)	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính	8.000 đồng/ Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật)	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	<p>Trong ngày làm việc. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã;</p> <p>- Nộp trực tuyến;</p> <p>- Nộp qua hệ thống bưu chính</p>	<p>- 8.000 đồng/ Bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>
---	----------	-------------------------------	---	---	--	---

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Trong ngày làm việc (Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo)			- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch;
2	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Trong ngày làm việc (Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 02 ngày làm việc)	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính.	- 70.000 đồng/ 1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
3	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử; - 02 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên			
4	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc			

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc			- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
6	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc			- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
7	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Trong ngày làm việc; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 02 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính	- 70.000 đồng /1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
8	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	03 ngày làm việc (Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc)			- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	03 ngày làm việc (Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến - Qua hệ thống bưu chính 		<p>Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 04/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về việc sửa đổi, bổ sung một
10	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Trong ngày làm việc; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 02 ngày làm việc			
11	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	8 ngày làm việc		- 1.200.000 đồng /1 việc	
12	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	12 ngày làm việc		- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật	
13	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	03 ngày làm việc (Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc)		- Đăng ký khai sinh: 70.000 đồng/1 việc;	
14	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	12 ngày làm việc		- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.200.000 đồng/1 việc.	
					- Miễn lệ phí cho	

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
					người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	số quy định về thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Nam; - Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về phí và lệ phí trong lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
15	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung hộ tịch; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 02 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc (Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 04 ngày làm việc)	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính	- 25.000 đồng /1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật)	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.001193	Đăng ký khai sinh	Trong ngày làm việc (Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7000 đồng/ 1 việc. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	1.000894	Đăng ký kết hôn	Trong ngày làm việc (Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã;	- Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
3	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	02 ngày làm việc (Trong trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc)	- Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính	- 15.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
4	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	02 ngày làm việc (Trong trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc)		- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng./1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.	- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
5	1.000656	Đăng ký khai tử	Trong ngày làm việc; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính	- 7.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 04/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Nam; - Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về phí và lệ phí trong lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
6	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động	03 ngày làm việc		- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật	
7	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động	03 ngày làm việc		Miễn lệ phí	
8	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động	03 ngày làm việc		- 7.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí đối với trường hợp	

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
					hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
9	1.004837	Đăng ký giám hộ	02 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	
10	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	01 ngày làm việc		<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	
11	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - 02 ngày làm việc với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch. (trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc) - Trong ngày với yêu cầu bổ sung hộ tịch; trường hợp nhận hồ sơ 		<ul style="list-style-type: none"> - 10.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại 	

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
12	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	02 ngày làm việc (Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày)		- 10.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật	
13	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	03 ngày làm việc (Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 7 ngày làm việc)	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính	- 7.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
14	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	03 ngày làm việc (Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 7 ngày làm việc)		- 7.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	03 ngày làm việc (Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 7 ngày làm việc)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; - Nộp trực tuyến; - Qua hệ thống bưu chính 	<ul style="list-style-type: none"> - 25.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật 	
16	1.005461	Đăng ký lại khai tử	03 ngày làm việc (Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc)		<ul style="list-style-type: none"> - 7.000 đồng/1 việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	